TÒA ÁN NHÂN DÂN **T PHỐ Q** TỈNH BÌNH ĐỊNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1130/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***-T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Cao Thị Chính
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thư là Thư ký Tòa án nhân dân T phố Q, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 679/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2019/QĐST-HN ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1991; Cư trú tại: 125/6 Đường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định *(có mặt)*.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1993; Cư trú tại: 295/1/6 Đường T, thành phố Q, Bình Định *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2019 và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Chị với anh Nguyễn Trung T tìm hiểu và tự nguyện kết đăng ký kết hôn ngày 01/12/2015 tại UBND phường Ngô Mây, thành phố Q. Sau khi kết hôn vợ cồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, sống thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con. Khi mâu thuẫn xảy ra chị và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn, động viên nhưng anh T không nghe nên

từ cuối năm 2016 đến nay chị và anh T sống ly thân. Do thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng phai nhạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Phạm An N, sinh ngày 30/6/2016, sức khỏe cháu bình thường. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trung T đã được Toà tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Toà để khai báo, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên Toà xét xử nhưng anh T không đến Toà làm việc.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Q tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân T phố Q thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ tranh chấp và xác định đúng tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa HĐXX, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo luật tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Trung T. Giao cho chị Phạm Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm An N.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại 295/1/6 Đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý vụ án, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Trung T vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Trung T kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 01/12/2015 tại UBND phường Ngô Mây, thành phố Q, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được nên anh T và chị H đã ly thân tự chấm dứt cuộc sống chung không còn quan tâm chăm sóc cho nhau từ cuối năm 2016 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T cố tình không đến tòa làm việc đã thể hiện anh T không còn quan tâm đến đời sống chung vợ chồng, không có thiện chí tiếp tục xây

dựng hạnh phúc gia đình. Tại phiên tòa hôm nay chị H cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T nhưng anh T không đến Tòa tham gia tố tụng giải quyết vụ án. HĐXX xét thấy giữa chị H và anh T có phát sinh mâu thuẫn và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể duy trì được cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Phạm An N, sinh ngày 30/6/2016, sức khỏe cháu bình thường, khi ly hôn chị H yêu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung là trách nhiệm của cha và mẹ, khi ly hôn cha mẹ đều có quyền yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tuy N, cháu N hiện còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ và trong quá trình giải quyết vụ án anh T không quan tâm đến tòa giải quyết vấn đề con chung. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Do chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này vì lợi ích của con khi cần thiết chị H có quyền yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này một hoặc hai bên có tranh chấp về tài sản chung thì tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí HNGĐST: Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

***Tuyên xử*:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Trung T.

2. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Phạm An N, sinh ngày 30/6/2016.

Giao cháu Nguyễn Phạm An N cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu Tòa giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này một hoặc hai bên có tranh chấp về tài sản chung thì tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001716 ngày 24.7.2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự T phố Q. Chị H đã nộp đủ án phí HNGĐST.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- UBND P. Quang Trung, TP. QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Minh Dũng

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Thúy **Cao Thị Chính** **Phan Minh Dũng**

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
-Các đương sự
-VKSND T phố Q
-Lưu HS

Phan Minh Dũng

T viên hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Cao Thị Chính **Trần Ngọc Hòa** **Lê Thị Ngọc Dung**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Q;
- Chi cục THADS TP. Q;
- UBND P. Quang Trung, TP. Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Dung

TÒA ÁN NHÂN DÂN
T PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Q, ngày 15 tháng 02 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 20 phút, ngày 15 tháng 02 năm 2019
Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân T phố Q, T. Bình Định
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà *Lê Thị Ngọc Dung*
- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà *Cao Thị Chính*
2. Ông *Trần Ngọc Hòa*

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1181/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn"giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Tuyết, sinh năm 1968; cư trú tại: Tổ 21, khu vực 3, phường Quang Trung, T phố Q, tỉnh Bình Định *(có mặt)*.

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Mạnh Dũng, sinh năm 1986; cư trú tại: 21, khu vực 3, phường Quang Trung, T phố Q, tỉnh Bình Định *(vắng mặt)*.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU :

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Biểu quyết, quyết định 3/3:

1. Về hôn nhân: Cho bà Trương Thị Tuyết được ly hôn ông Đỗ Mạnh Dũng.

Biểu quyết, quyết định 3/3:

2. Về con chung: Bà Tuyết và ông Dũng có hai con chung tên là Đỗ Trương Vân Anh, sinh ngày 25/3/1991 và Đỗ Trương Tuấn Vũ, sinh ngày 25/3/1993. Hiện sức khỏe các con bình thường và đã trưởng T. Bà Tuyết không yêu cầu về con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Biểu quyết, quyết định 3/3:

3. Về tài sản chung: Bà Tuyết không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Biểu quyết, quyết định 3/3:

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị Tuyết phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000634 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự T phố Q. Bà Tuyết đã nộp đủ án phí HNGĐST.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị Tuyết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đỗ Mạnh Dũng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

T viên hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Cao Thị Chính **Trần Ngọc Hòa** **Lê Thị Ngọc Dung**